

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ HOÀNG HUY

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 / 2015

Hải Phòng, tháng 01 năm 2016

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ Hoàng Huy (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đỗ Hữu Hạ	Chủ tịch
Bà Mai Trang	Thành viên
Ông Đỗ Hữu Hậu	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hà	Thành viên
Ông Đỗ Hữu Hưng	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Vũ Văn Cảnh	Giám đốc
Ông Hoàng Thanh Tùng	Phó giám đốc
Ông Phạm Văn Mạn	Phó giám đốc
Ông Nguyễn Trung Độ	Phó giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.
Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Vũ Văn Cảnh
Giám đốc

Ngày 16 tháng 1 năm 2016.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN
DVT: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
A Tài sản ngắn hạn (100=110+120+130+140+150)	100		1.703.846.776.767	1.223.578.810.095
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	1.043.069.462.202	506.580.539.574
1. Tiền	111		67.411.912.269	385.721.652.440
2. Các khoản tương đương tiền	112		975.657.549.933	120.858.887.134
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	-	448.550.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121			448.550.000.000
III. Phải thu ngắn hạn	130		189.082.802.889	53.901.836.218
1. Phải thu khách hàng	131	6	19.629.420.092	7.754.563.636
2. Trả trước cho người bán	132	7	159.789.484.589	33.913.342.793
3. Các khoản phải thu khác	133		9.663.898.208	12.233.929.789
IV. Hàng tồn kho	140	8	468.483.639.941	214.531.655.159
1. Hàng tồn kho	141		469.800.103.758	215.338.946.768
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		(1.316.463.817)	(807.291.609)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.210.871.735	14.779.144
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.210.871.735	
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	153			14.779.144
B Tài sản dài hạn (200=210+220+240+250+260)	200		1.061.001.447.514	217.666.987.411
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		7.055.162.263	5.309.560.766
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	7.055.162.263	5.309.560.766
- Nguyên giá	222		8.101.880.800	5.945.191.345
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.046.718.537)	(635.630.579)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1.053.888.652.384	212.325.347.386
1. Đầu tư góp vốn vào công ty con	251	10	478.950.000.000	
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	11	578.322.400.000	180.000.000.000
3. Đầu tư tài chính dài hạn khác	253			33.427.347.386
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(3.383.747.616)	(1.102.000.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		57.632.867	32.079.259
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		57.632.867	32.079.259
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		2.764.848.224.281	1.441.245.797.506

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
1	2	3	4	5
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		149.578.981.975	693.737.031.699
I. Nợ ngắn hạn	310		149.578.981.975	693.737.031.699
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	-	591.832.667.728
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		17.724.239.220	14.939.208.491
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		374.842.534	4.817.796.342
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	11.035.000.000
5. Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	12	47.246.460.550	48.417.055.856
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	13	75.000.000.000	-
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		811.736.389	14.230.000.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		8.421.703.282	8.465.303.282
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.615.269.242.306	747.508.765.807
I. Vốn chủ sở hữu	410		2.615.269.242.306	747.508.765.807
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	14	2.330.904.280.000	573.642.410.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411		2.330.904.280.000	573.642.410.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	14	124.532.011.543	14.116.236.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	14	19.572.915.034	12.780.251.000
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	14	140.260.035.729	146.969.868.807
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421		25.449.803.773	11.116.588.129
- LNST chưa phân phối kỳ này	421		114.810.231.956	135.853.280.678
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.764.848.224.281	1.441.245.797.506



Hồ Thị Xuân Hòa
Người lập biểu

Ngày 16 tháng 1 năm 2016.



Hồ Thị Xuân Hòa
Kế toán trưởng



Vũ Văn Cảnh
Giám đốc

KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Năm 2014		Năm 2015	
	Quý 4	Lũy kế đến 31/12/2014	Quý 4	Lũy kế đến 31/12/2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	572.389.378.039	1.423.761.494.958	367.363.999.951	1.803.858.644.342
2. Các khoản giảm trừ doanh thu				
3. Doanh thu thuần về bán hàng (10=01-02)	572.389.378.039	1.423.761.494.958	367.363.999.951	1.803.858.644.342
4. Giá vốn hàng bán	483.582.319.505	1.242.239.968.595	317.783.441.020	1.531.245.612.621
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	88.807.058.534	181.521.526.363	49.580.558.931	272.613.031.721
6. Doanh thu hoạt động tài chính	10.345.579.258	11.064.368.263	10.746.240.090	82.061.155.915
7. Chi phí tài chính	4.266.827.834	8.092.987.864	3.144.277.076	15.120.370.969
- Trong đó: Chi phí lãi vay	156.321.269	573.098.277	1.401.220.167	7.167.302.382
8. Chi phí bán hàng	20.013.116.243	33.276.122.179	(3.301.864.707)	(6.063.995.804)
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	4.618.322.495	13.430.607.236	789.239.449	8.166.218.852
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	70.254.371.220	137.786.177.347	59.695.147.203	337.451.593.619
11. Thu nhập khác	594.888.000	2.594.888.453		5.646.403.552
12. Chi phí khác		2.341.940.335	60.053.889	1.098.979.842
13. Lợi nhuận khác	594.888.000	252.948.118	(60.053.889)	4.547.423.710
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	70.849.259.220	138.039.125.465	59.635.093.314	341.999.017.329
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.138.378.386	2.185.844.787	2.374.842.534	5.198.088.373
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-	-	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51-52)	68.710.880.834	135.853.280.678	57.260.250.780	336.800.928.956



Hồ Thị Xuân Hòa
Người lập biểu

Ngày 16 tháng 1 năm 2016.



Hồ Thị Xuân Hòa
Kế toán trưởng



Vũ Văn Cảnh
Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2015

MÃ SỐ B 03a-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2015	Năm 2014
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	<i>01</i>	<i>341.999.017.329</i>	<i>138.039.125.465</i>
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định và BĐSDT	02	812.684.128	390.787.964
Các khoản dự phòng	03	2.790.919.824	16.139.291.609
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản	04	-	105.004.918
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(81.120.062.410)	(6.833.989.569)
Chi phí lãi vay	06	7.167.302.382	573.098.277
Các khoản điều chỉnh khác	07		
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	<i>08</i>	<i>271.649.861.253</i>	<i>148.413.318.664</i>
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(129.517.499.001)	128.798.899.928
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(254.461.156.990)	(87.326.882.153)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(619.732.065.318)	497.216.053.627
Tăng/giảm chi phí trả trước	12	(25.553.608)	599.571.064
Tăng/giảm chứng khoán kinh doanh	13		
Tiền lãi vay đã trả	14	(7.167.302.382)	(573.098.277)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(4.808.466.695)	(2.264.090.388)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(581.781.457)	(211.764.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>	<i>(744.643.964.198)</i>	<i>684.652.008.465</i>
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(3.596.629.455)	(3.567.146.547)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	1.056.731.818	2.000.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(448.550.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	448.550.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(364.895.052.614)	(100.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	80.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	72.242.114.161	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>	<i>153.357.163.910</i>	<i>(470.117.146.547)</i>
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	1.220.951.127.000	114.643.430.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	-	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	883.097.031.980	33.377.520.514
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(808.097.031.980)	(33.377.520.514)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(168.175.404.084)	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>1.127.775.722.916</i>	<i>114.643.430.000</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	536.488.922.628	329.178.291.918
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	506.580.539.574	177.402.247.656
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	1.043.069.462.202	506.580.539.574

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2015

MẪU SỐ B 03a-DN
Đơn vị: VND



Hồ Thị Xuân Hòa
Người lập biểu

Ngày 16 tháng 1 năm 2015



Hồ Thị Xuân Hòa
Kế toán trưởng



Vũ Văn Cảnh
Giám đốc

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy là Doanh nghiệp cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0203004289 ngày 10/05/2008 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp và thay đổi lần 1 ngày 30/05/2008, thay đổi lần 2 ngày 25/12/2008, thay đổi lần 3 ngày 07/05/2009, thay đổi lần 4 ngày 12/11/2010; thay đổi lần 5 ngày 28/03/2011; thay đổi lần thứ 6 ngày 10/07/2012; thay đổi lần thứ 7 ngày 13/09/2012; thay đổi lần thứ 8 ngày 22/07/2013; lần thứ 9 ngày 20/10/2014, lần thứ 10 ngày 20/4/2015, lần thứ 11 ngày 3/12/2015.

Vốn Điều lệ theo Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 11 là: 2.330.904.280.000 đồng.

Tại ngày 31/12/2015, Công ty có công ty con là Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Hoàng Giang

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là: Kinh doanh ô tô con, ô tô tải, xây dựng và kinh doanh nhà các loại.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo kỳ này được lập cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Các bên liên quan

Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ tài chính Hoàng Huy có cổ đông lớn, thành viên HĐQT, ban giám đốc đồng thời là cổ đông, thành viên hội đồng quản trị của Công ty cổ phần đầu tư dịch vụ Hoàng Huy
- Công ty sở hữu 99,78% cổ phần của Công ty cổ phần phát triển Dịch vụ Hoàng Giang, do đó Công ty Cổ phần phát triển Dịch vụ Hoàng Giang là bên liên quan.
- Các thành viên Ban Giám đốc, Hội đồng Quản trị.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Tổng Giám

độc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 31/12/2015.

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Bất lợi thế thương mại

Bất lợi thương mại là phần phụ trội lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con, công ty liên kết, và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát tại ngày phát sinh nghiệp vụ mua công ty so với giá phí hợp nhất kinh doanh. Bất lợi kinh doanh được hạch toán ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Phương pháp tính giá hàng tồn kho: giá thực tế đích danh. Hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Theo chính sách kế toán của Công ty: linh kiện chậm luân chuyển từ 12 tháng đến 18 tháng trích lập dự phòng 40%, từ 18 tháng trích lập dự phòng 70%.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Thiết bị văn phòng	03 - 05
Phương tiện vận tải	06 - 10

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo và chi phí đào tạo phát sinh trong giai đoạn trước khi Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn góp thực góp của các cổ đông, Vốn bổ sung hàng năm từ Lợi nhuận của Công ty và Vốn bổ sung theo các quyết định đầu tư hàng năm của Công ty.

Phân phối lợi nhuận của Công ty được thực hiện theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông và Quy chế quản lý tài chính của Công ty.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Dự phòng bảo hành:

Dự phòng bảo hành liên quan chủ yếu đến số hàng hóa đã bán. Theo đánh giá của Ban Giám đốc, chi phí bảo hành sản phẩm của Công ty phát sinh không đáng kể. Từ ngày 01/01/2015, Ban Giám đốc Công ty quyết định thực hiện trích lập dự phòng chi phí bảo hành với tỷ lệ 0,1%/doanh thu.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.



Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Theo Quyết định số 2206/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng ngày 22/12/2008 về việc công nhận cơ sở sản xuất kinh doanh của người tàn tật và Nghị định số 122/2011/NĐ-CP ngày 27/12/2011, Công ty được miễn thuế theo điều kiện miễn giảm thuế cho “Cơ sở sản xuất kinh doanh của người tàn tật”. Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế và tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	190.825.079	128.304.543
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	67.221.087.190	385.593.347.897
Tiền đang chuyển		
Các khoản tương đương tiền (*)	975.657.549.933	120.858.887.134
Cộng	1.043.069.462.202	506.580.539.574

(*): Các khoản tương đương tiền phản ánh khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng tại các ngân hàng thương mại cổ phần.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Hợp đồng tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn		448.550.000.000
Cộng	-	448.550.000.000

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Các đại lý	19.629.420.092	6.614.563.636
Khách lẻ		1.140.000.000
Cộng	19.629.420.092	7.754.563.636

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2015		01/01/2015	
	USD	VND	USD	VND
<i>Ngắn hạn</i>	6.661.961,00	159.789.484.589	356.196,00	33.913.342.793
Dongfeng Moto Co.,Ltd	6.340.661,00	142.740.308.239	-	-
Nhà cung cấp nước ngoài khác	321.300,00	7.244.351.100	356.196,00	7.567.208.360
Các bên liên quan	-	9.279.825.250	-	25.946.134.433
Các đối tượng khác	-	525.000.000	-	400.000.000
Cộng	13.323.922	159.789.484.589	712.392	33.913.342.793

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	57.158.862.779	-	50.438.454.399	-
Thành phẩm	40.597.106.418	-	1.816.674.406	-
Hàng hóa	115.880.778.299	1.316.463.817	36.214.859.655	807.291.609
Hàng gửi bán	256.163.356.262	-	126.868.958.308	-
Cộng	469.800.103.758	1.316.463.817	215.338.946.768	807.291.609

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại 01/01/2015	5.601.974.547	343.216.798	5.945.191.345
Mua trong kỳ	3.596.629.455	-	3.596.629.455
Giảm trong kỳ	(1.439.940.000)	-	(1.439.940.000)
Tại 31/12/2015	7.758.664.002	343.216.798	8.101.880.800
HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại 01/01/2015	414.445.087	221.185.492	635.630.579
Khấu hao trong kỳ	790.565.899	22.118.229	812.684.128
Thanh lý nhượng bán	(401.596.170)	-	(401.596.170)
Tại 31/12/2015	803.414.816	243.303.721	1.046.718.537
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2015	5.187.529.460	122.031.306	5.309.560.766
Tại 31/12/2015	6.955.249.186	99.913.077	7.055.162.263

10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Các khoản đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần phát triển dịch vụ Hoàng Giang	478.950.000.000	-
Cộng	478.950.000.000	-

Trong năm Công ty thực hiện phát hành 47.895.000 cổ phiếu hoán đổi theo tỷ lệ 1:1 với các cổ đông hiện hữu của Công ty cổ phần phát triển dịch vụ Hoàng Giang. Sau khi hoán đổi cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy sở hữu 99,78% cổ phiếu tương đương 478.950.000.000 đồng của Công ty Cổ phần Phát triển dịch vụ Hoàng Giang kể từ ngày 11/3/2015.

Thông tin chi tiết về công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần phát triển dịch vụ Hoàng Giang	Km9 quốc lộ 5, xã Nam Sơn, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng	99,78	99,78	Kinh doanh ô tô

11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH LIÊN KẾT

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Công ty TNHH Pruksa Việt Nam	262.522.400.000	-
Công ty cổ phần đầu tư dịch vụ Thành Nam	80.000.000.000	80.000.000.000
Công ty CP đầu tư xây dựng Hoàng Hiệp	100.000.000.000	100.000.000.000
Công ty cổ phần phát triển dịch vụ Trường Giang	135.800.000.000	-
Cộng	578.322.400.000	180.000.000.000

Thông tin chi tiết đầu tư vào công ty liên doanh liên kết

Tên công ty liên doanh, liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
Công ty cổ phần đầu tư dịch vụ Thành Nam	Phòng 8B, tầng 8, toà nhà 116 Nguyễn Đức Cảnh, Lê Chân, Hải Phòng	40,00	40,00	Kinh doanh ô tô
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Hoàng Hiệp	79/20/14 Phạm Viết Chánh, Phường 19, Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh	45,45	45,45	Kinh doanh ô tô
Công ty TNHH Pruksa Việt Nam	Phòng AB, tầng 8, toà nhà 116 Nguyễn Đức Cảnh, Lê Chân, Hải Phòng	46,35	46,35	XD nhà các loại, hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật
Công ty CP phát triển dịch vụ Trường Giang	Km9 quốc lộ 5, xã Nam Sơn, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng	48,50	48,50	Kinh doanh linh kiện ô tô

(*) Trong năm Công ty cổ phần đầu tư dịch vụ Hoàng Huy nâng vốn góp từ 15% (tại ngày 01/01/2014 đang trình bày là khoản đầu tư dài hạn khác) lên 36% vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đầu tư số 021022000215 sửa đổi lần thứ nhất ngày 11/2/2015 của Công ty TNHH Pruksa Việt Nam. Đồng thời Công ty đã thực hiện góp thêm 188.434.400.000.đồng theo nghị quyết của hội đồng quản trị số 23/NQ-HĐQT ngày 24/12/2015. Công ty TNHH Pruksa Việt Nam cũng đã được cấp giấy đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần 2 ngày 09/01/2016 tỷ lệ vốn góp của Công ty cổ phần đầu tư dịch vụ Hoàng Huy là 46,35%

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<i>Ngắn hạn</i>	-	-	591.832.667.728	591.832.667.728
Dongfeng Moto Co.,Ltd	-	-	591.823.481.728	591.823.481.728
Các đối tượng khác	-	-	9.186.000	9.186.000
Cộng	-	-	591.832.667.728	591.832.667.728

13. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Các đại lý	17.133.589.220	14.839.208.491
Khách lẻ	590.650.000	100.000.000
Cộng	17.724.239.220	14.939.208.491

14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Công ty TNHH Pruksa Internatinnal *	47.074.020.000	47.074.020.000
Công ty TNHH Pruksa Việt Nam		1.173.035.856
Khoản phải trả khác	172.440.550	170.000.000
Cộng	47.246.460.550	48.417.055.856

(*) Công ty TNHH Pruksa International đã ứng trước 2,261,000 USD (tương đương với 47.074.020.000 VND) cho Công ty để triển khai dự án nhà ở dành cho người có thu nhập thấp tại An Đồng, An Dương, Hải Phòng, Việt Nam.

15. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGÂN HẠN

	31/12/2015		Trong kỳ		01/01/2015	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<i>Vay ngắn hạn</i>	75.000.000.000	75.000.000.000	883.097.031.980	808.097.031.980	-	-
Ngân hàng ACB- CN Hải Phòng	-	-	200.254.200.000	200.254.200.000	-	-
Ngân hàng TMCP Liên Việt	-	-	537.067.831.980	537.067.831.980	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Hà	75.000.000.000	75.000.000.000	57.175.000.000	57.175.000.000	-	-
Ngân hàng HDBank-CN HP (1)	75.000.000.000	75.000.000.000	88.600.000.000	13.600.000.000	-	-
Cộng	75.000.000.000	75.000.000.000	883.097.031.980	808.097.031.980	-	-

(1) Vay theo Ngân hàng HDBank-CN Hải Phòng theo hợp tin dụng ngắn hạn số 0819/15/HB/TD/NH-DN/099 ngày 22/12/2015, khoản vay tối đa trong 02 tháng; Khoản vay được dùng để thanh toán tiền nhập khẩu xe đầu kéo; Lãi suất theo từng khế ước nhận nợ; Khoản vay được đảm bảo bằng một số hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng HDBank – CN Hải Phòng.

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Tại 01/01/2014	382.499.480.000	14.270.000.000	8.677.751.000	91.718.588.129	497.165.819.129
Tăng vốn trong năm	114.643.430.000	-	-	-	114.643.430.000
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	76.499.500.000	(153.764.000)	-	(76.499.500.000)	(153.764.000)
Phân phối lợi nhuận trong năm	-	-	4.102.500.000	(4.102.500.000)	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	135.853.280.678	135.853.280.678
Tại 01/01/2015	573.642.410.000	14.116.236.000	12.780.251.000	146.969.868.807	747.508.765.807
Tăng vốn trong kỳ (1)	1.588.905.570.000	110.995.557.000	-	-	1.699.901.127.000
Chia cổ tức bằng cổ phiếu (2)	168.356.300.000	-	-	(168.356.300.000)	-
Chia cổ tức bằng tiền (3)	-	-	-	(168.359.798.000)	(168.359.798.000)
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	336.800.928.956	336.800.928.956
Trích quỹ trong năm (3)	-	-	6.792.664.034	(6.792.664.034)	-
Giảm khác	-	(579.781.457)	-	(2.000.000)	(581.781.457)
Tại 31/12/2015	2.330.904.280.000	124.532.011.543	19.572.915.034	140.260.035.729	2.615.269.242.306

(1) Tăng vốn trong kỳ gồm:

(-) Phát hành 47.895.000 cổ phiếu hoán đổi theo tỷ lệ 1:1 với các cổ đông hiện hữu của cổ phiếu Công ty cổ phần phát triển dịch vụ Hoàng Giang theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông số 01/2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/01/2015. Sau khi hoán đổi cổ phiếu thì Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy sở hữu 99,78% cổ phiếu của Công ty Cổ phần Phát triển dịch vụ Hoàng Giang và Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Hoàng Giang chính thức trở thành Công ty con của Công ty;

(-) Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 1:1, giá phát hành 11.000 đồng/cổ phiếu, tương ứng với 1.109.955.570.000 đồng theo Nghị quyết số 02/2015/NQ-ĐHĐCĐ;

(2) Chia cổ tức bằng cổ phiếu bao gồm:

(-) Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2014 với tỷ lệ 10%, tương ứng với 57.363.160.000 đồng theo Nghị quyết số 01/2015/NQ-ĐHĐCĐ;

(-) Trả cổ tức đợt 1 năm 2015 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 10%, tương ứng với 110.993.140.000 đồng theo Nghị quyết số 02/2015/NQ-ĐHĐCĐ.

(3) Theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông ngày 28/01/2015 và Nghị quyết đại hội đồng cổ đông số 01/2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/01/2015, Đại hội thông qua phân phối lợi nhuận năm 2014 như sau: trích quỹ dự trữ, bổ sung vốn điều lệ 5% tương ứng 6.792.664.034 đồng, trả cổ tức bằng tiền mặt 10% tương ứng với 57.363.160.000 đồng, và

Theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông bất thường số 02/2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/6/2015, đại hội thông qua phương án tạm ứng cổ tức năm 2015 là 10% tương ứng với 110.995.557.000 đồng.

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Theo Giấy chứng Đăng ký kinh doanh, vốn Điều lệ của Công ty là 2.330.904.280.000 đồng.

Danh sách cổ đông lớn tại thời điểm lập báo cáo như sau:

	Vốn đã góp tại 16/12/2015	
	VND	%
Ông Đỗ Hữu Hạ	522.201.510.000	22,40
Ông Đỗ Hữu Hậu	223.128.670.000	9,57
PYN Elite Fund (NON-UCITS)	254.295.410.000	10,91
Cổ đông khác	1.331.278.690.000	57,11
Cộng	2.330.904.280.000	100

17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/10 đến 31/12/2015	Từ 01/10 đến 31/12/2014
	VND	VND
Doanh thu cung cấp hàng hóa	367.023.636.337	572.079.990.972
Doanh thu cung cấp dịch vụ, linh kiện ô tô	340.363.614	309.387.067
Cộng	367.363.999.951	572.389.378.039

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/10 đến 31/12/2015	Từ 01/10 đến 31/12/2014
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa	317.765.692.905	483.308.957.838
Giá vốn cung cấp dịch vụ, linh kiện ô tô	17.748.115	273.361.667
Cộng	317.783.441.020	483.582.319.505

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/10 đến 31/12/2015	Từ 01/10 đến 31/12/2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi	10.382.247.541	9.124.696.794
Thu nhập về hoạt động góp vốn liên doanh		1.127.774.420
Lãi chênh lệch tỷ giá	363.992.549	93.108.044
Cộng	10.746.240.090	10.345.579.258

20. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/10 đến 31/12/2015	Từ 01/10 đến 31/12/2014
	VND	VND
Lãi vay phải trả	1.401.220.167	156.321.269
Chênh lệch tỷ giá	421.309.293	4.110.506.565
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	1.321.747.616	
Cộng	3.144.277.076	4.266.827.834

21. CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Ngoại tệ các loại (USD)	1.583,07	686,06
Cộng	1.583,07	686,06

22. BÁO CÁO THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Công ty có trụ sở hoạt động tại thành phố Hải Phòng và cung cấp hàng hoá cho khách hàng thuộc 3 miền bao gồm miền Bắc, miền Trung, miền Nam.
Báo cáo bộ phận được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2015 như sau:

Các tài sản của Công ty được sử dụng tại trụ sở chính của Công ty nên Công ty không phân bổ cho từng khu vực địa lý.

	Miền Bắc VND	Miền Trung VND	Miền Nam VND	Cộng VND
1. Doanh thu thuần	802.527.020.650	297.510.214.571	703.821.409.121	1.803.858.644.342
- Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	801.993.917.375	297.510.214.571	703.821.409.121	1.803.325.541.067
- Doanh thu dịch vụ, linh kiện	533.103.275			533.103.275
2. Giá vốn	662.749.751.102	253.771.231.689	614.724.629.830	1.531.245.612.621
- Giá vốn của hàng hóa thành phẩm đã bán	662.596.742.754	253.771.231.689	614.724.629.830	1.531.092.604.273
- Giá vốn hoạt dịch vụ, linh kiện	153.008.348			153.008.348
3. Lợi nhuận gộp	139.777.269.548	43.738.982.882	89.096.779.291	272.613.031.721
- Bán hàng hóa, thành phẩm	139.397.174.621	43.738.982.882	89.096.779.291	272.232.936.794
- Cung cấp dịch vụ, linh kiện	380.094.927			380.094.927

23. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN LIÊN DOANH VỚI CÔNG TY TNHH PRUKSA INTERNATIONAL

Ngày 10/08/2009, Công ty đã ký kết Hợp đồng Liên doanh với Công ty TNHH Prukca International thành lập Công ty TNHH Prukca Việt Nam để thực hiện dự án nhà ở thu nhập thấp tại An Đồng, An Dương, Hải Phòng.

Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 02121000342 ngày 12/07/2010, điều chỉnh lần 1 ngày 26/07/2010 để thực hiện dự án nhà ở thu nhập thấp tại An Đồng, An Dương, Hải Phòng; tổng mức Đầu tư của dự án là 949.573.000.000 đồng (trong đó, vốn tự có là 277.998.000.000 đồng, vốn vay và vốn tự huy động là 672.575.000.000 đồng); chứng chỉ quy hoạch số 143/CCQH ngày 25/10/2010 do Sở Xây dựng Thành phố Hải Phòng cấp, theo đó, diện tích đất dự kiến sử dụng là 21,15 ha.

Ngày 02/01/2013, Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng đã cấp Giấy chứng nhận Đầu tư số 021 022 000 215 thành lập Công ty TNHH Prukca Việt Nam, điều chỉnh lần thứ ngày 9/1/2016, theo đó vốn điều lệ hiện tại là 27.523.810 USD, Công ty cổ phần Đầu tư dịch vụ Hoàng Huy sở hữu 46,35%.

Ngày 13/7/2015, UBND Tp. Hải Phòng đã cấp Quyết định số 1614/QĐ-UBND về việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án này do Công ty THNN Pruska Việt Nam là chủ đầu tư với tổng diện tích giao đất (đợt 1) là 20.014,3 m².. Tại thời cuối năm 2015, dự án đã chính thức bắt đầu bàn giao căn hộ của 8 block nhà 3 tầng hoàn thành đầu tiên

24. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

	Quý 4 năm 2015
	VND
Công ty CP Đầu tư DV TC Hoàng Huy	
Mua hàng hóa, dịch vụ	31.271.000.000
Dongfeng motors engineering	
Mua hàng hóa	201.944.312.493
Chi hộ khác	892.392.000
Công ty Cổ phần phát triển dịch vụ Hoàng Giang	
Cho vay vốn lưu động	23.500.000.000
Lãi tiền vay	4.916.667
Số dư với các bên liên quan	31/12/2015
	VND
Công ty CP Đầu tư DV TC Hoàng Huy	
Ứng trước tiền mua hàng	9.279.825.250
Dongfeng motors engineering	
Ứng trước tiền mua hàng	142.740.308.239

25. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh được thu thập từ Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/12/2015 và Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 đã được kiểm toán. Một số chỉ tiêu được trình bày lại cho mục đích so sánh như sau:

STT	Khoản mục	Mã số	Tại ngày	Tại ngày	Chênh lệch	Ghi chú
			31/12/2014 đã được kiểm toán (soát xét)	31/12/2014 trình bày lại		
			VND	VND	VND	
1.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	-	14.230.000.000	14.230.000.000	(1)
2.	Dự phòng phải trả dài hạn	337	14.230.000.000	-	(14.230.000.000)	(1)

(1) Trình bày lại khoản Dự phòng phải trả về bảo hành sản phẩm.



Hồ Thị Xuân Hòa
Người lập biểu

Ngày 16 tháng 1 năm 2016.



Hồ Thị Xuân Hòa
Kế toán trưởng



Vũ Văn Cảnh
Giám đốc